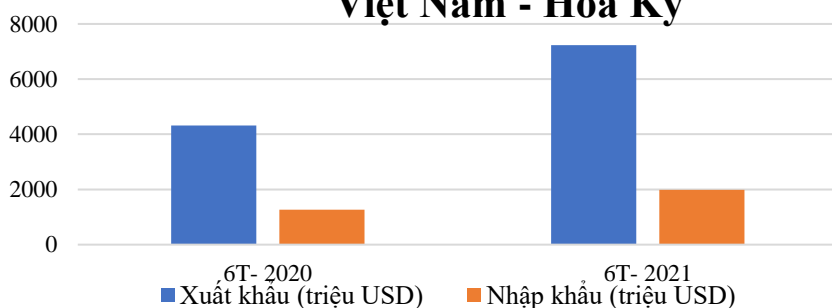


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HOA KỲ



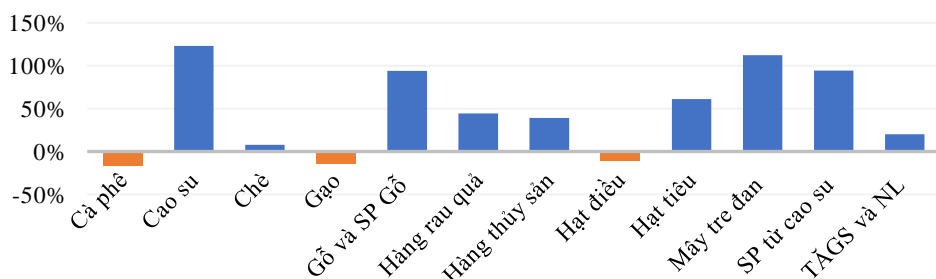
Xuất khẩu và Nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ



So sánh Kim ngạch XNK NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ (6T – 2021/2020)

Xuất khẩu	▲ 67,4%
Nhập Khẩu	▲ 56,3%

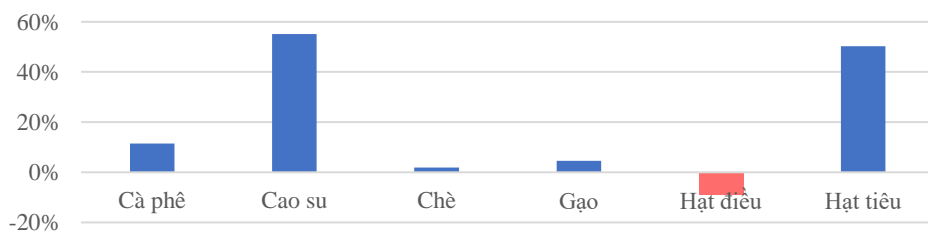
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ 6T-2021



So sánh 6T- 2021/2020

Cà phê	▼ 16,9%
Cao su	▲ 123,26%
Chè	▲ 7,87%
Gạo	▼ 14,67%
Gỗ và SP Gỗ	▲ 94,15%
Rau quả	▲ 44,43%
Thủy sản	▲ 39,03%
Hạt điều	▼ 11,16%
Hạt tiêu	▲ 61,25%
Mây tre đan	▲ 112,29%
SP từ cao su	▲ 94,26%
TĂGS và NL	▲ 20,20%

Biến động giá xuất khẩu bình quân của NLTS chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 6/2021



So sánh giá xuất khẩu bình quân T6-2021/2020

Cà phê	▲ 6,62%
Cao su	▲ 40,64%
Chè	▲ 23,74%
Gạo	▼ 2,71%
Hạt điều	▼ 8,7%
Hạt tiêu	▲ 55,8%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo số liệu sơ bộ của Tổng cục Hải quan tháng 6/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 27,2 tỷ USD, tăng 3,86% so với tháng trước và tăng 41,79% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy sự hồi phục tích cực sau 2 tháng giảm liên tiếp về kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam kể từ thời điểm đảo chiều mạnh vào tháng 3/2021 (tăng 46,83% so với tháng trước đó). Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt gần 158,3 tỷ USD, tăng 28,97% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng 6/2021, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 8,15 tỷ USD, chiếm 29,98% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ra thế giới.

Trong tháng 6/2021, cùng với cà phê và hạt điều là 2 mặt hàng vẫn đang trong xu hướng giảm, giá trị xuất khẩu gạo cũng giảm tương đối nhiều so với tháng trước. Ngoài 3 mặt hàng nói trên, tất cả các mặt hàng nông sản còn lại của Việt Nam sang thị trường này đều duy trì được mức tăng trưởng khá tốt. So với tháng 6/2021, 4 ngành có mức tăng trưởng mạnh mẽ nhất là cao su (đứng đầu với 123,26%), mây tre đan (đứng thứ hai với 112,29%), sản phẩm từ cao su (đứng thứ ba với 94,26%) và gỗ và sản phẩm gỗ (đứng thứ tư với 94,15%). Tăng ít nhất vẫn là mặt hàng chè (tăng 7,87%).

Theo dự báo cập nhật tháng 7/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hoa Kỳ trong năm 2020/21 tiếp tục được dự báo sẽ đạt khoảng 7,23 triệu tấn, tăng khoảng 1,35 triệu tấn so với năm 2019/20. Mức nhập khẩu gạo năm 2020/21 của Hoa Kỳ dự báo đạt 1,2 nghìn tấn, giảm khoảng 0,01 nghìn tấn so với năm 2019/20.

Giao dịch hàng hóa nhập khẩu nguyên container tăng 32,5% tại các cảng container lớn nhất của Mỹ trong tháng 6/2021 song tốc độ tăng này vẫn thấp hơn so với tháng trước đó. Tuy nhiên, nhiều nhà nhập khẩu không thể trả chi phí vận chuyển quá cao hoặc các nhà xuất khẩu không thể tìm thấy được container rỗng để vận chuyển hàng hóa của mình. Các tuyến đường sắt ở Mỹ đã bắt đầu điều tiết giảm lưu lượng vận chuyển đối với hàng hóa nhập khẩu tại các cảng Los Angeles, Long Beach cũng như New York khi Mỹ ghi nhận khối lượng hàng hóa nhập khẩu tăng kỷ lục. Hàng hóa tồn đọng tại LA / Long Beach là nguyên nhân dẫn đến lạm phát giá cả trong thời gian tới.

Fairtrade Hoa Kỳ gần đây đã ra mắt Công cụ tìm kiếm sản phẩm mới để giúp người tiêu dùng dễ dàng xác định và mua hơn 5000 sản phẩm được chứng nhận bởi Fairtrade với trên khắp cả nước này. Báo cáo thông tin chi tiết về người tiêu dùng hàng năm của Fairtrade do GlobeScan thực hiện cho thấy tỷ lệ người tiêu dùng Hoa Kỳ tin tưởng vào nhãn hiệu Fairtrade International đã tăng từ mức 48% vào năm 2019 lên 57%

vào năm 2021. Cà phê vẫn là sản phẩm được Fairtrade công nhận nhiều nhất và người mua hàng ở Hoa Kỳ được cho là sẵn sàng trả thêm 35% cho cà phê do Fairtrade công nhận.

Giữa tháng 7/2021, Green Coffee Association đã công bố lượng cà phê dự trữ tại các kho của Hoa Kỳ đến cuối tháng 6/2021. Theo đó, tính đến cuối tháng 6/2021, tổng tồn kho cà phê tại các kho trên khắp Hoa Kỳ giảm 35.678 bao so với cuối tháng 5/2021, đạt tổng cộng 5.779.461 bao loại 60kg. Tồn kho cà phê giảm mạnh nhất ở Sans Francisco và tăng mạnh nhất ở New Orleans.

Starbucks đã công bố báo cáo doanh thu thuần hợp nhất cho quý tài chính thứ ba kết thúc vào ngày 27/6/2021 là 75 tỷ USD, tăng 78% so với năm trước, chủ yếu nhờ gia tăng 73% doanh số bán hàng tại các cửa hàng trên toàn cầu. Starbucks đã mở 352 cửa hàng mới trong quý này, tạo ra mức tăng trưởng hàng năm là 3% với số lượng cửa hàng trên toàn cầu đã đạt con số 33.295 cửa hàng, trong đó Hoa Kỳ có 15.348 cửa hàng với doanh số bán hàng đã tăng 83%.

Về mặt hàng thủy hải sản, theo IRI và 210 Analytics, doanh số bán hàng hải sản tươi sống, đông lạnh và bảo quản của Mỹ đạt 585 triệu USD (496 triệu EUR) vào tháng 6/2021. Mặc dù giảm 5,3% so với năm 2020, nhưng so với năm 2019, doanh số đã tăng gần 44%. Trong 6 tháng đầu năm 2021, doanh số bán hải sản tươi sống và đông lạnh tăng so với năm 2020 phục vụ nhu cầu du lịch ngày càng tăng của các gia đình, ở chiều ngược lại, doanh số bán hải sản bảo quản lại giảm tương đối. Cũng liên quan đến thủy hải sản, Liên minh Tôm miền Nam (SSA) cho rằng các mã thuế quan mới do Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ vừa công bố mới đây sẽ phân biệt giữa nhập khẩu tôm được đánh bắt tự nhiên và tôm nuôi để hạn chế tình trạng thiếu minh bạch trong nhập khẩu. Theo số liệu từ Cơ quan Khí quyển và Đại dương Quốc gia Mỹ (NOAA), trong năm tài chính 21, Ấn Độ đứng đầu các nước xuất khẩu tôm sú sang Mỹ, thị trường tiêu thụ tôm sú lớn nhất thế giới, với 270 nghìn tấn, tiếp theo là Indonesia với 166 nghìn tấn.

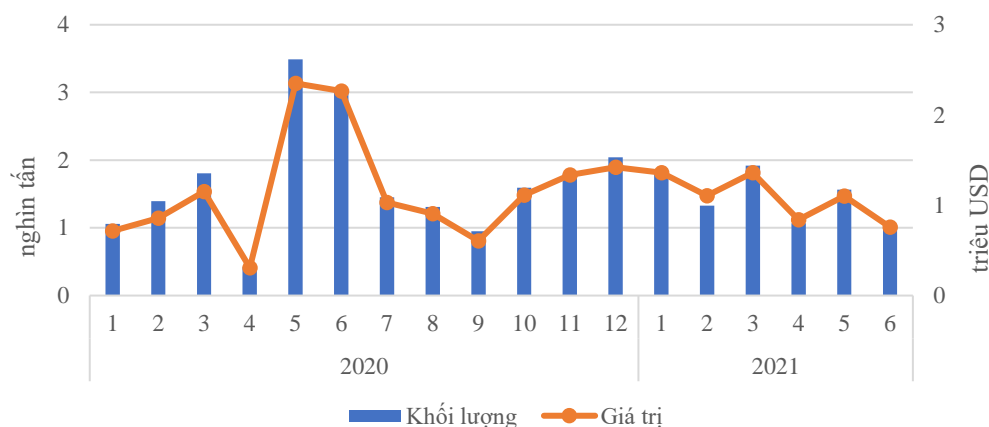
Giá thủy sản tăng cao do lạm phát đang gây lo ngại cho toàn ngành thủy sản Mỹ, bao gồm cả những khách hàng là các nhà bán lẻ và dịch vụ ăn uống. Cụ thể, giá thủy sản đông lạnh ghi nhận mức tăng mạnh nhất trong quý 2/2021 với mức tăng tới 9,2% so với cùng kỳ năm 2019 lên trung bình 6,96 USD/lb tại các cửa hàng thực phẩm tổng hợp và các nhà bán lẻ lớn; giá thủy sản đông lạnh cũng tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2020; giá thủy sản tươi cũng tăng tới 8% trong quý 2/2021 so với cùng kỳ năm 2019 và 4,1% so với cùng kỳ năm 2020 lên trung bình 8,4 USD/lb.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2021, Việt Nam xuất khẩu được 1,0 nghìn tấn gạo, trị giá 0,8 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, giảm 34,2% về khối lượng và 31,2% về giá trị so với tháng trước; và giảm 65,6% về khối lượng và 66,6% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 8,7 nghìn tấn, trị giá 6,5 triệu USD, giảm 22,0% về khối lượng và 14,7% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

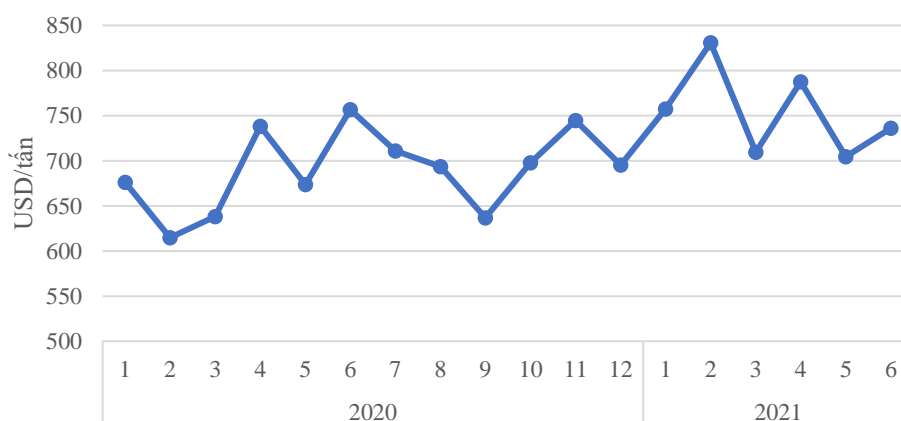
Hình 1. Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 6/2021 đạt 736,2 USD/tấn, tăng 4,5% so với tháng trước nhưng giảm 2,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ

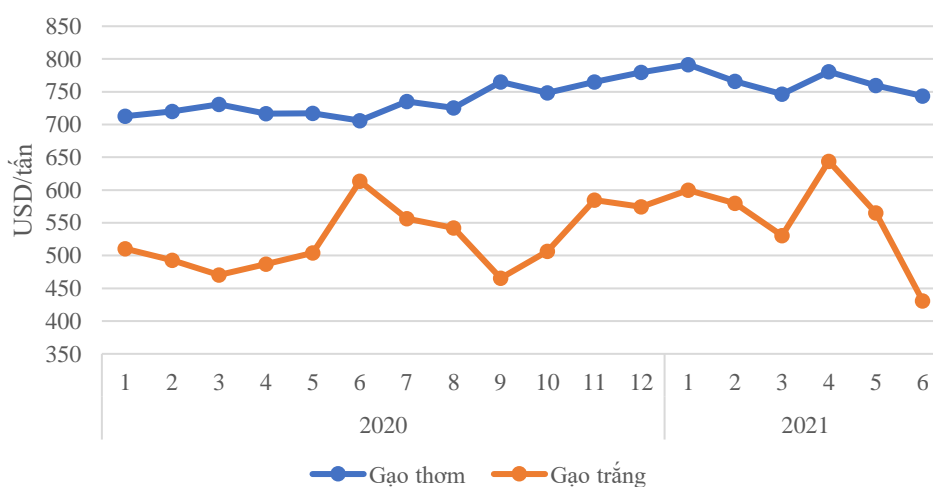


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 0,8 nghìn tấn, trị giá 0,6 triệu USD (chiếm 84,1% về khối lượng và 86,5% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã 67,8% về khối lượng và 65,9% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 6/2021 đạt trung bình 743,5 USD/tấn, giảm 2,1% so với tháng trước nhưng tăng 5,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, giá gạo trắng đạt 431,0 USD/tấn, giảm 23,8% so với tháng trước và giảm 29,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3. Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

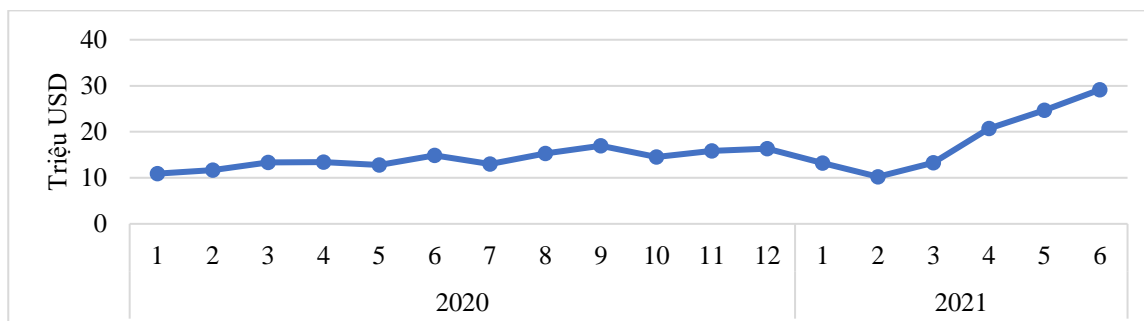
Trong tháng 6/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty CP Soharice, Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Highland Dragon và Công ty CP Phước Đạt. Ba công ty này chiếm lần lượt 47,4%, 18,6%, và 7,1% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 6/2021. So với cùng kỳ năm 2020, các công ty này đã giảm xuất khẩu lần lượt là 73,6%, 79,5% và 13,0%.

2. RAU QUẢ

Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, nhu cầu nhập khẩu trái cây của Hoa Kỳ rất lớn, năm 2020 mặc dù chịu tác động của dịch Covid-19, nước này vẫn nhập khẩu tới 14,1 tỷ USD trái cây. Theo ước tính, giá trị nhập khẩu trái cây năm 2021 của Hoa Kỳ có thể lên tới 15,1 tỷ USD. Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 6 năm 2021 đạt

29,1 triệu USD, chiếm 9,1% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 18,2% so với tháng trước và tăng 95,6% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hoa Kỳ đạt 111,2 triệu USD, tăng 44,4% so với cùng kỳ năm 2020..

Hình 4. Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ

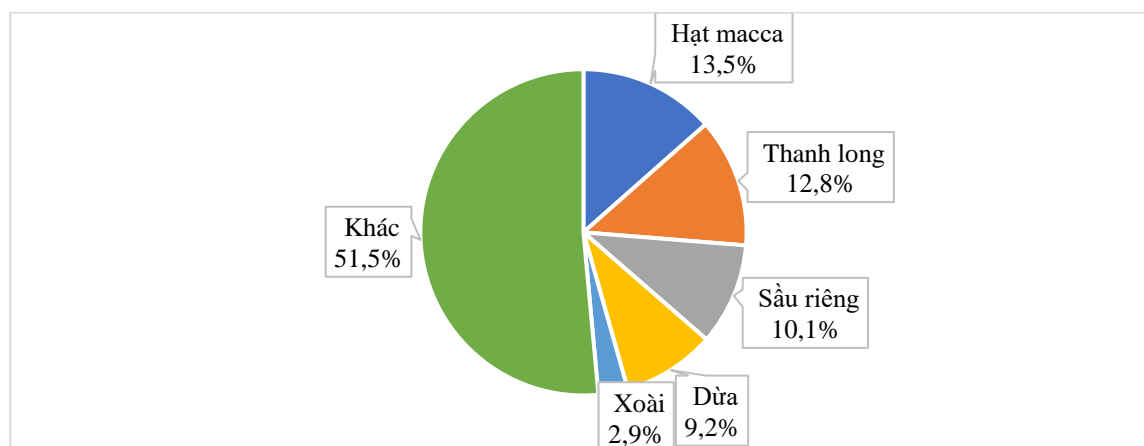


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 6 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 17,7 triệu USD (chiếm 60,7% thị phần, tăng 178,5% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 11,5 triệu USD (chiếm 39,3% thị phần), tăng 34,1%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 5,2 triệu USD (tăng 43,1% so với cùng kỳ năm 2020); (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 3,5 triệu USD (tăng 10,0%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 1,2 triệu USD (tăng 102,1%); ...

Trong tháng 6 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm hạt macca đạt 3,9 triệu USD (chiếm 13,5% tổng giá trị xuất khẩu), thanh long đạt 3,7 triệu USD (chiếm 12,8%), tăng 148,6% so với cùng kỳ năm 2020; sầu riêng đạt 2,9 triệu USD (chiếm 10,1%), tăng 403,5%; dứa đạt 2,9 triệu USD (chiếm 9,2%), tăng 54,8%; ...

Hình 5. Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 6/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

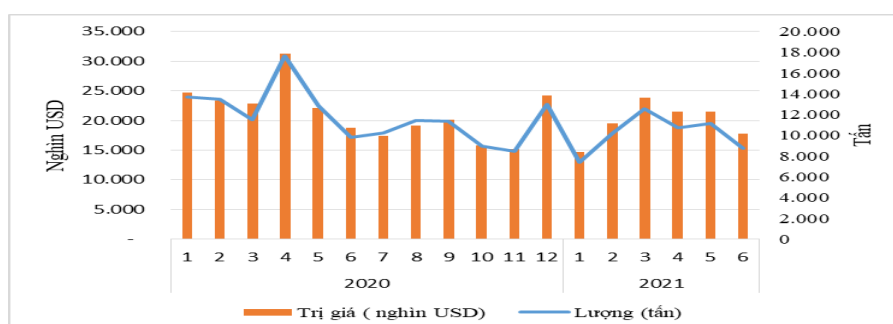
Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 6 năm 2021 đạt 23,5 triệu USD, chiếm 20,0% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hoa Kỳ đạt 155,4 triệu USD (chiếm 17,5%), tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 6/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là anh đào đạt 7,8 triệu USD, chiếm 33,2% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 26,4% so với cùng kỳ năm 2020; hạt dẻ đạt 5,1 triệu USD (chiếm 21,7%), giảm 28,9%; hạnh nhân đạt 4,1 triệu USD (chiếm 17,4%), tăng 66,7%; táo đạt 1,5 triệu USD (chiếm 6,4%), tăng 3,6%; khoai tây đạt 1,2 triệu USD (chiếm 5,2%), giảm 22,7%; ...

Trong tháng 6/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam, Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II và Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Rồng Đỏ với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 17,4%; 17,0% và 3,1%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II tăng 56,9% và Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Rồng Đỏ tăng 127,3%. Trong khi đó, Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam không xuất khẩu trong tháng 6/2020 nhưng đã đẩy mạnh xuất khẩu trong tháng 6/2021.

3. CÀ PHÊ

Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 của Việt Nam, chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 6/2021 đạt 8.767 tấn, trị giá 17,82 triệu USD, giảm 21,6% về khối lượng và giảm 17,27% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ tháng 6/2020, xuất khẩu cà phê giảm 10,88% về khối lượng và giảm 4,98% về giá trị. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021 đạt 60.838 tấn, trị giá 118,91 triệu USD, % giảm 23,05% về lượng và giảm 57,49% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

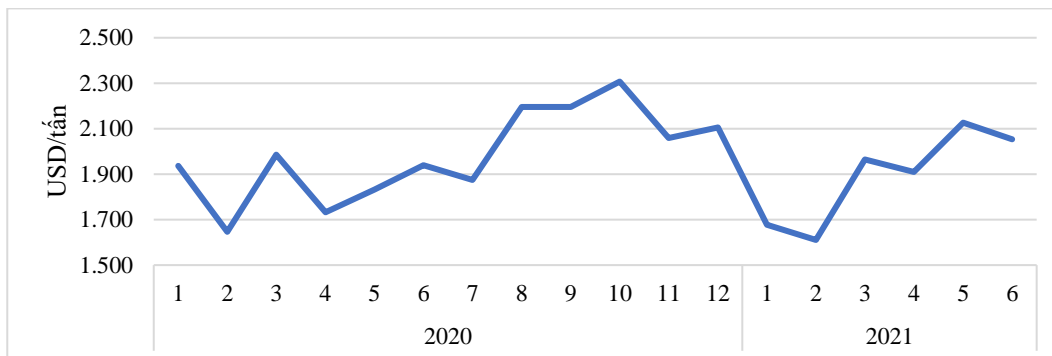
Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 6/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt trung bình 2.032 USD/tấn, tăng 5,52% so với tháng trước, đồng thời tăng 6,62% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ

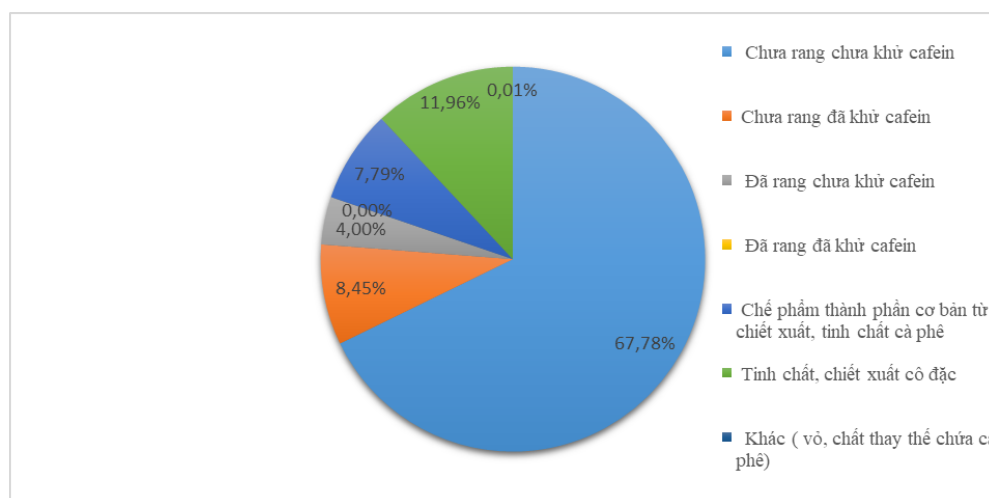


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 79,99%, cà phê chế biến chiếm tỷ trọng 20,01%, tỷ trọng cà phê chế biến đã tăng 0,5% so với cùng kỳ năm 2020. Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 6/2021 cụ thể như sau:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt 12,68 triệu USD, chiếm tỷ trọng cao nhất là 67,78%, tăng 4,67% so cùng kỳ. Tiếp đến là tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 2,11 triệu USD, chiếm 11,96%, giảm 6,41% so cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 1,4 triệu USD, chiếm 7,79%, tăng 3,46% so với cùng kỳ. Cà phê chưa rang, đã khử caffein đạt 821 nghìn USD, chiếm 8,45%, giảm 63,4% so với cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 738 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 4 %, tăng 1,8% so với cùng kỳ.

Hình 8. Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ tháng 6/2021



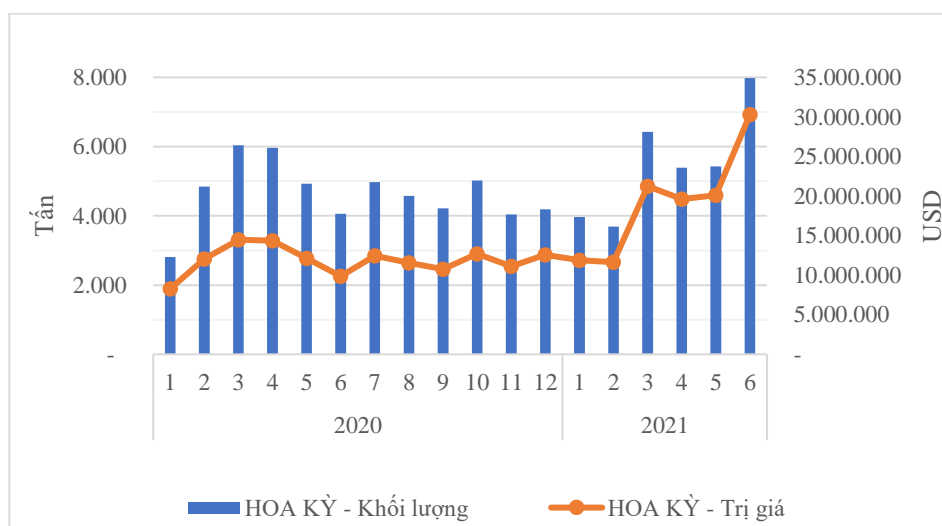
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là: Công Ty Cổ Phần Tập đoàn Intimex, Công ty Cổ phần Intimex Hoa KỳPhước, Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Trung Nguyên – Nhà máy Cà phê Sài Gòn với thị phần lần lượt là: 12,77%; 9,13% và 7,18%.

4. HỒ TIÊU

Theo công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, tính đến tháng 6/2021, Hoa Kỳ vẫn là quốc gia nhập khẩu hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam. Trong tháng 6/2021, Việt Nam xuất khẩu được 7.985 tấn hồ tiêu với trị giá 30,3 triệu USD, tăng 47,05% về khối lượng và tăng 50,78% về giá trị so với tháng 5/2021, tăng 96,72% về khối lượng và tăng 206,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

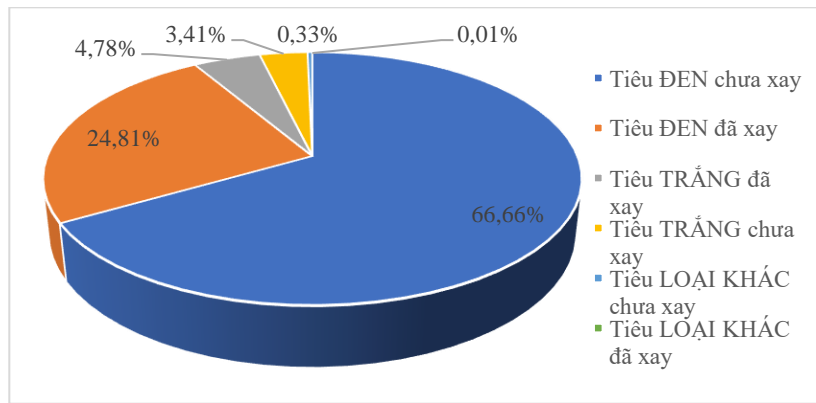
Hình 9. Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 62,95% tổng giá trị tiêu các loại xuất khẩu xuất sang Hoa Kỳ, giảm 2,99% so với tháng trước đó và tăng 3,41% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu đen đã xay, chiếm 24,91%, tăng 20,42% so với tháng trước và tăng 18,26% so với cùng kỳ năm trước.

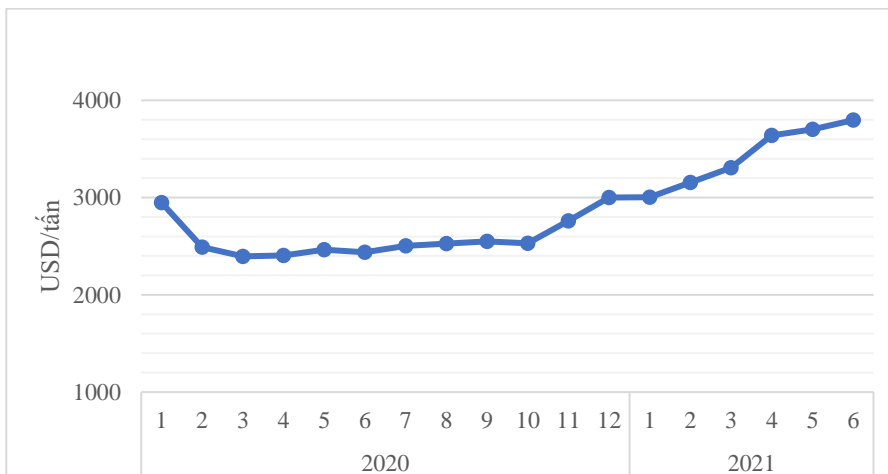
Hình 10. Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 6/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Cũng như khối lượng và kim ngạch xuất khẩu, giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này cũng tăng khá tốt, vẫn trên xu hướng tăng kể từ tháng 1/2021 khi giá hồ tiêu trong nước tăng đột biến khiến giá xuất khẩu cũng tăng lên theo, đạt mức 3,796 USD/tấn, tăng 2,5% so với tháng trước và tăng 55,8% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11. Giá xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ



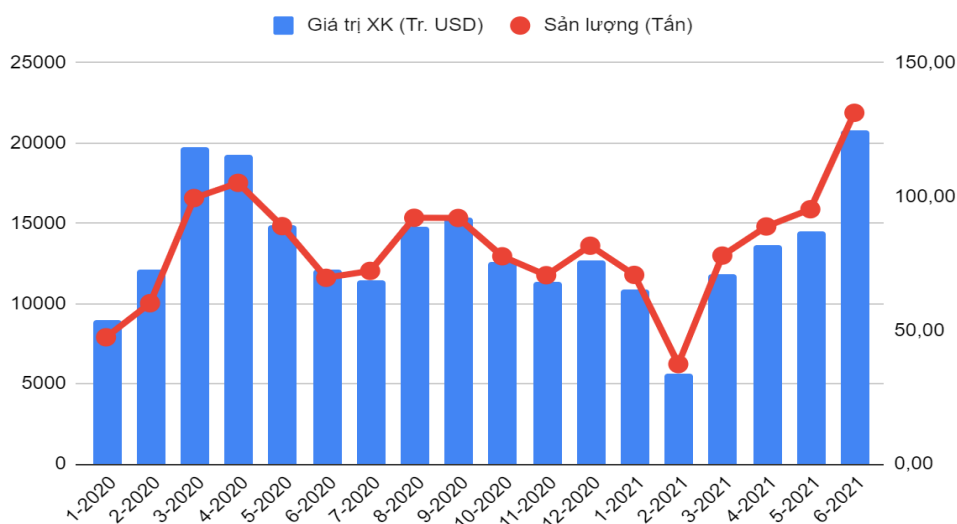
Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Tháng 6/2021 đánh dấu sự quay lại dẫn đầu của Công ty CP sản xuất dịch vụ xuất nhập khẩu Hà Nội, vốn không còn nằm trong Top 3 công ty xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 5/2021, với kim ngạch chiếm 17,7% tổng kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường này, tăng 167% so với tháng 5/2021 và tăng 354,2% so với cùng kỳ năm 2020. Chi nhánh Long Bình – Công ty TNHH Olam Việt Nam tạm lùi xuống vị trí thứ 2 với cơ cấu 12,41%, tăng 15,5% so với tháng trước và 120,5% so với cùng kỳ năm trước. Đứng vị trí thứ 3 là Công ty TNHH Chế biến Gia vị Nedspice Việt Nam với 11,35%, tăng 83,1% so với tháng trước đó và tăng 112,2% so với cùng kỳ năm 2020.

5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 21,89 nghìn tấn, trị giá 125,03 triệu USD, tăng 88,6% về khối lượng và giảm 72,2% về giá trị so với tháng 5/2021. Xuất khẩu sang thị trường này tăng mạnh do quốc gia này đã mở cửa hoàn toàn từ ngày 20/5 dẫn đến nhu cầu tiêu thụ tại thị trường này tăng dần trở lại. Bên cạnh đó, doanh nghiệp Việt Nam đang tận dụng tốt khả năng cạnh tranh khi các đối thủ cạnh tranh ở thị trường này đang chịu ảnh hưởng tiêu cực do dịch Covid 19 đang bùng phát mạnh và ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường này.

Hình 12. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ

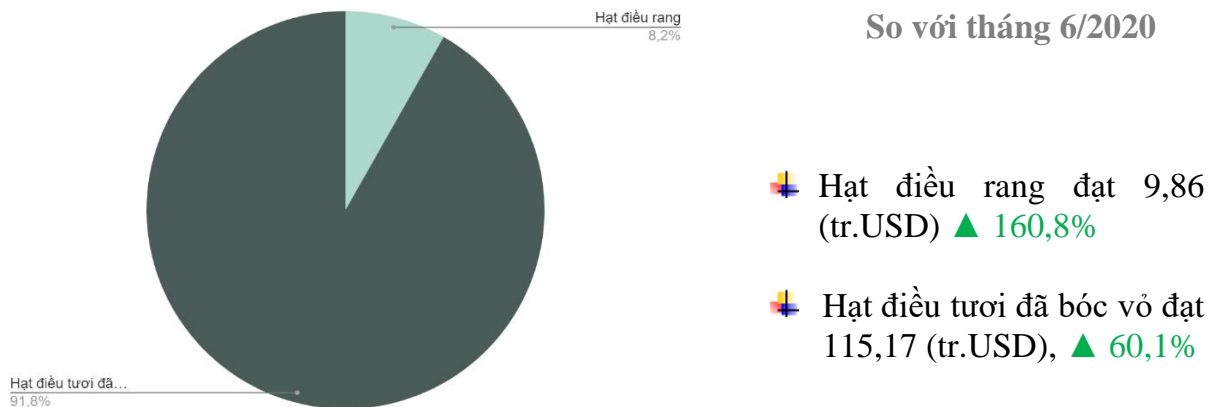


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính hết 6 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 463,78 triệu USD, tương ứng với 83,58 nghìn tấn, giảm 11,2% về giá trị và 17,2% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu điều sang thị trường này vẫn chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 91,79%. Tuy nhiên, xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đang dần có sự chuyển dịch tăng sản phẩm điều chế biến sâu, so với tháng trước giá trị xuất khẩu hạt điều chế biến sâu tăng tới 70,4%.

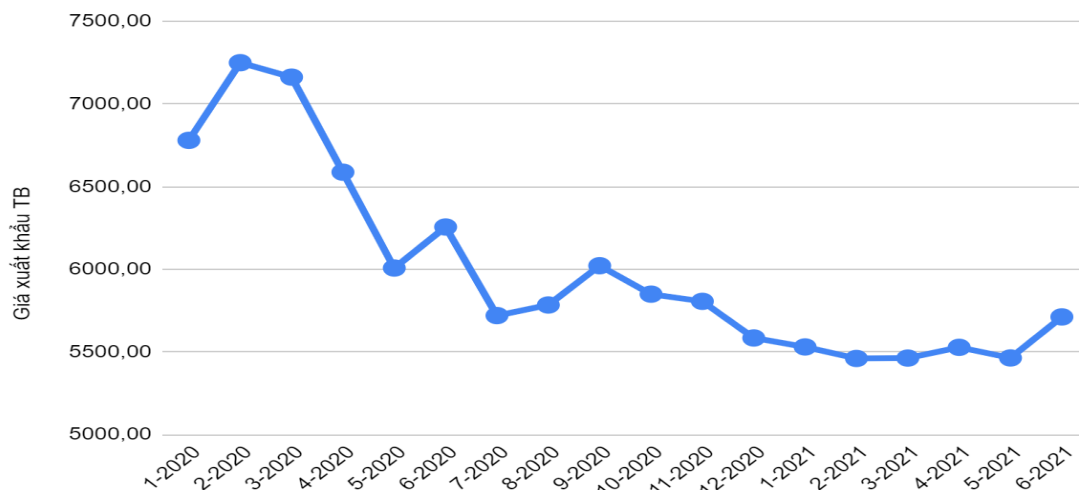
Hình 13. Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Hoa Kỳ vẫn giữ được nhịp tăng từ những tháng trước. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân tháng 6/2021 đạt 5,72 nghìn USD/tấn, tăng 4,5 % so với tháng trước và giảm 8,7% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ sang thị trường này trung bình đạt 5,65USD/kg, tăng 4% so với tháng trước và giảm 10% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 14. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ (đvt: USD/tấn)



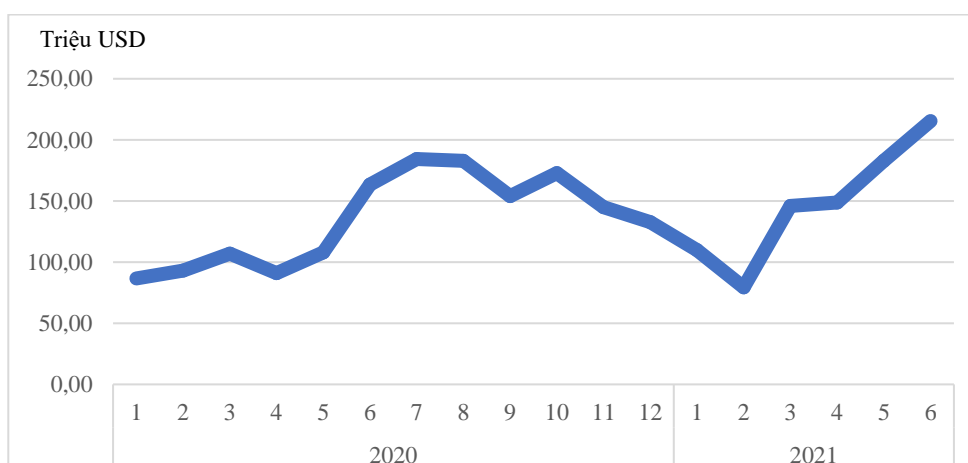
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 6/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông sản Minh Loan chiếm 4,17% tổng giá trị điều xuất khẩu sang thị trường này; Công ty TNHH chế biến thực phẩm OLAM Việt Nam chi nhánh tại Biên Hòa II chiếm 3,87%; và Công ty TNHH sản xuất thương mại Phúc Vinh chiếm 3,57%.

6. THỦY SẢN

Hoa Kỳ vẫn duy trì là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam. Theo tổng cục hải quan, tháng 6/2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt hơn 215,43 triệu USD, chiếm 26,6% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam, tăng 99,6% so với cùng kỳ năm 2020, và 17,7% so với tháng trước. Tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 6/2021, chiếm 65,6%, cá da trơn chiếm 15%.

Hình 15. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Mỹ

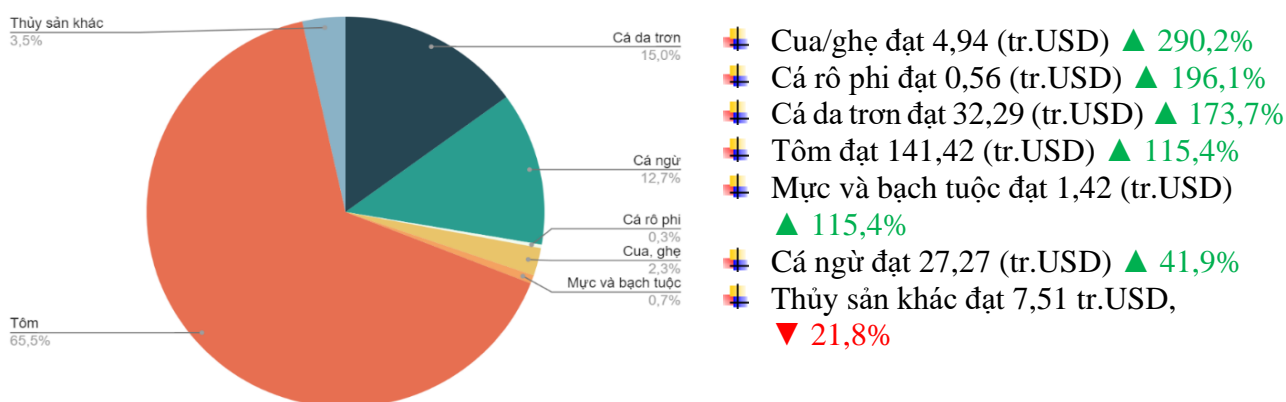


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 902,16 triệu USD, tăng 38% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tăng mạnh ở hầu hết các mặt hàng thủy sản chủ lực sang thị trường này đều tăng cao trong những tháng gần đây. Trong đó cá da trơn tăng mạnh nhất, tăng 173,7% so với cùng kỳ năm trước; tôm tăng 115,4% so với năm 2020 và 46,3% so với tháng 5/2021.

Hình 16: Cơ cấu xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 6/2021

So với tháng 6/2020

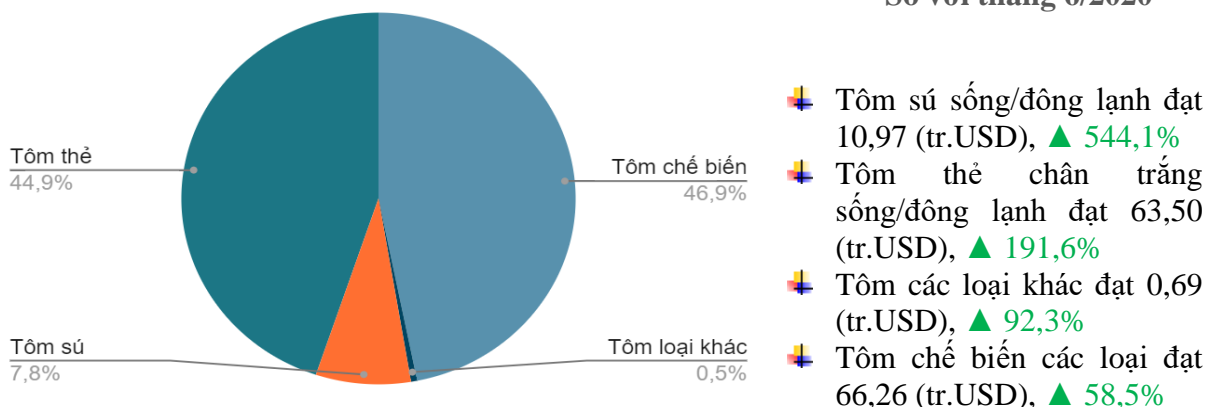


Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tôm là mặt hàng xuất khẩu ổn định và tăng trưởng tốt tại thị trường Hoa Kỳ, với mức tăng gần 50% so với tháng trước. Xuất khẩu tôm trong tháng này sang thị trường Hoa Kỳ có nhiều lợi thế khi sản lượng tôm Ấn Độ xuất khẩu sang thị trường này giảm do tác động của dịch Covid tại quốc gia này.

Hình 17: Cơ cấu xuất khẩu tôm sang Hoa Kỳ tháng 6/2021

So với tháng 6/2020

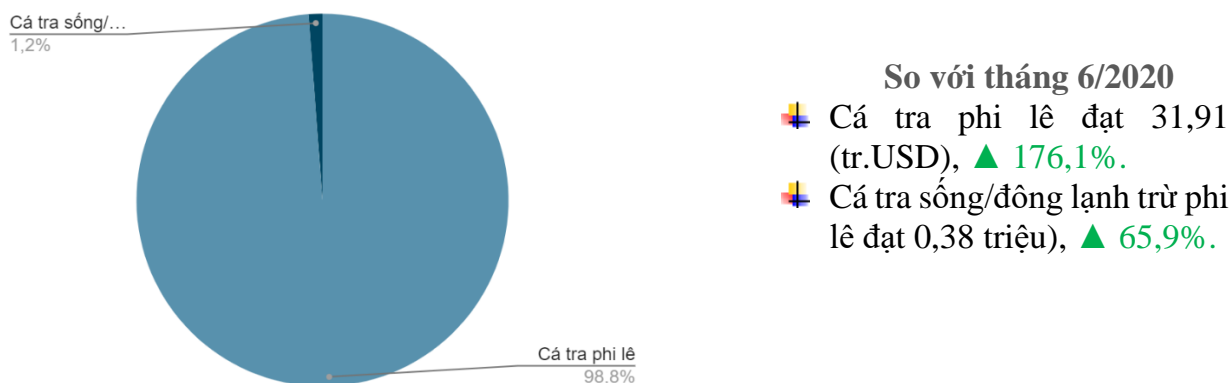


Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng tốt do nhu cầu tiêu dùng tăng, khi quốc gia này đang bình thường trở lại và nhu cầu tiêu dùng trong nước đang tăng. Bên cạnh đó, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam đang nâng cao được khả năng cạnh tranh của mình ở thị trường này. Theo thống kê mới nhất của ITC, tổng giá trị NK cá thịt trắng của Mỹ trong 3 tháng đầu năm nay tăng không đáng kể, nhưng tổng giá trị NK cá tra phile đông lạnh từ Việt Nam đã tăng 12% so với cùng kỳ

năm trước. Trung Quốc và Việt Nam là hai nguồn cung cá thịt trắng lớn nhất của thị trường Mỹ trong thời gian này.

Hình 18: Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang Hoa Kỳ tháng 6/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 6, giá xuất khẩu tôm đạt trung bình 10,58 USD/kg, giảm 3,3% so với cùng kỳ năm 2020; cá da trơn đạt 7,13 USD/kg, tăng 145%. Cụ thể:

Bảng 1. Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 6/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	7,13	145,0%	5,2%
2	Cá ngừ	9,95	8,7%	4,7%
4	Cua, ghẹ	18,58	38,6%	-14,6%
5	Mực và bạch tuộc	10,52	11,9%	6,7%
6	Tôm	10,58	-3,3%	3,8%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

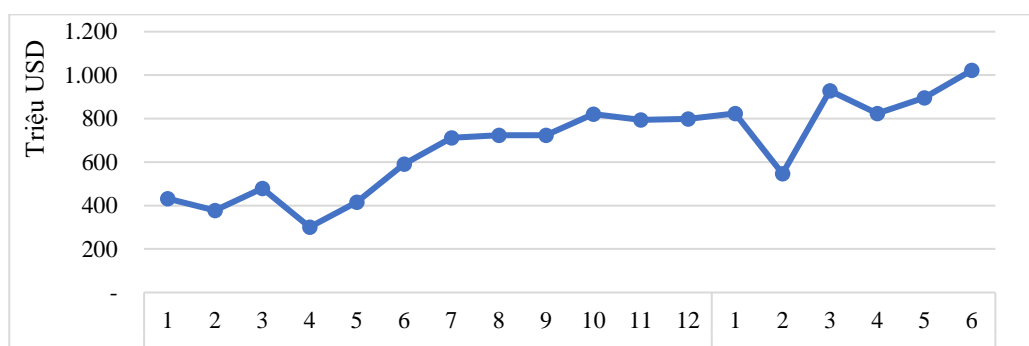
Tháng 6 năm 2021, Top 3 công ty có giá trị xuất khẩu lớn sang thị trường Mỹ là: Công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng, chiếm 13,9% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ; Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú chiếm 6,2%; Công ty TNHH thủy sản Biển Đông chiếm 5,9%.

7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Nhập khẩu đồ gỗ nội ngoại thất của Hoa Kỳ đã tăng 12% trong tháng 6/2021 với kim ngạch 2,25 tỷ USD, gấp đôi so với cùng kỳ năm 2020. Nhập khẩu từ Việt Nam tăng 20% trong khi nhập khẩu từ Trung Quốc tăng 10%.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 06/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 1.022,0 triệu USD, tăng 14,0% so với tháng trước và tăng mạnh 73,0% so với cùng kỳ năm 2020.

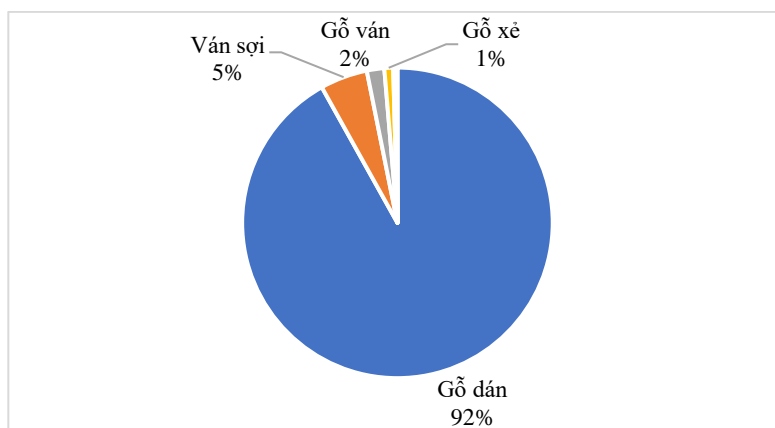
Hình 19. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 44,1 triệu USD, chiếm 91,9% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 2,4 triệu USD, chiếm 4,9% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ ván và gỗ xẻ, chiếm lần lượt 1,8% và 0,9% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 20. Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 6/2021



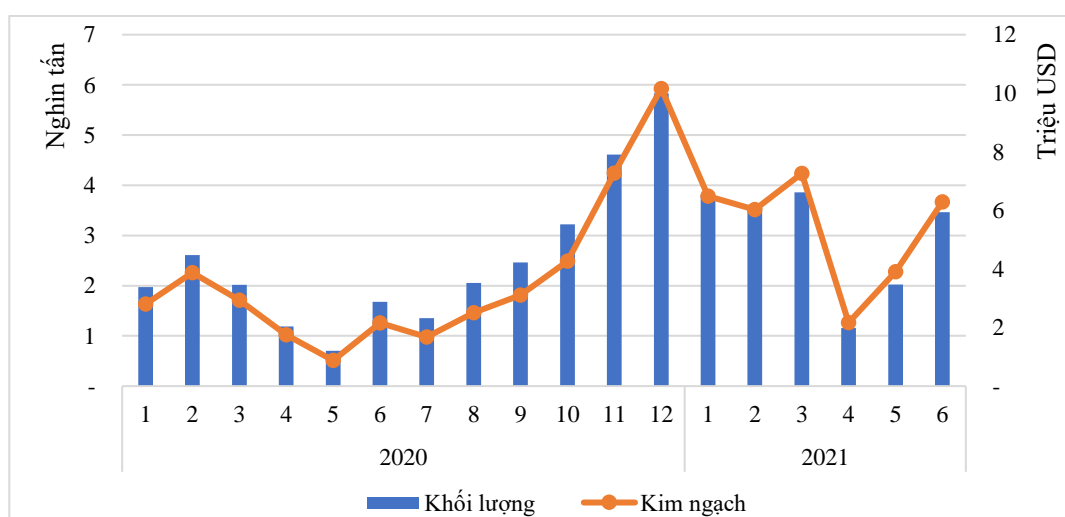
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2021, top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty TNHH JUNMA Phú Thọ, Công ty TNHH MTV Gỗ Khang Đạt và Công ty Cổ phần Tre Gỗ Hải Hiền. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 16,9%, 13,6% và 6,5% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 06/2021.

8. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 06/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 3,5 nghìn tấn với trị giá 6,3 triệu USD, tăng mạnh 71,0% về khối lượng và 61,1% về giá trị so với tháng trước, và tăng 106,7% về khối lượng và tăng 190,7% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

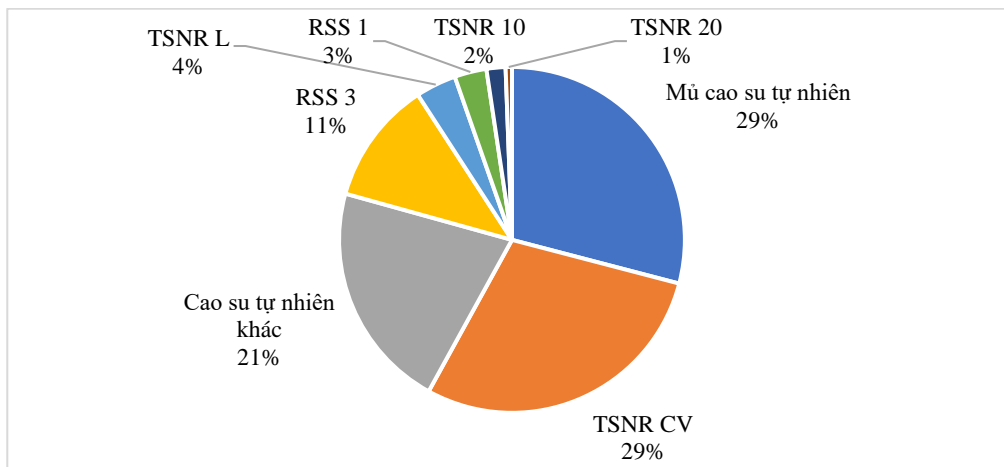
Hình 21. Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2021, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 1,7 triệu USD, chiếm 29,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR CV với kim ngạch 1,7 triệu USD, chiếm 28,9% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là tấm cao su xông khói RSS 3 và TSNR L, chiếm lần lượt 11,5% và 3,8% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

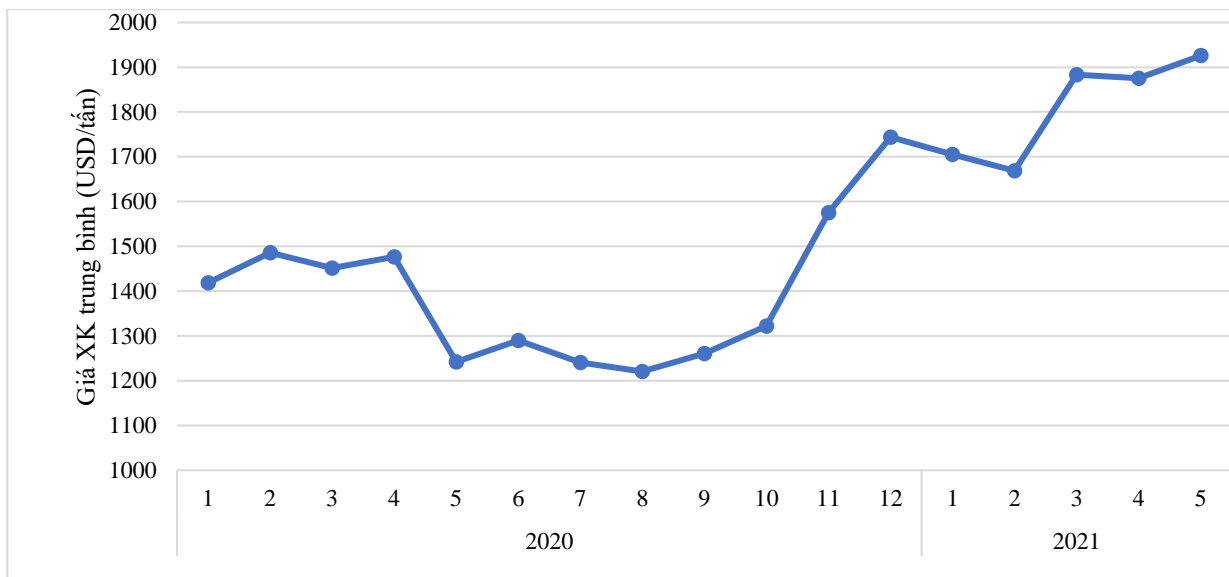
Hình 22. Cơ cấu kim ngạch XK cao su tự nhiên (mã HS 4001) sang Hoa Kỳ T6/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ giảm nhẹ trong tháng 06/2021 đạt mức 1.814 USD/tấn, giảm 5,8% so với tháng trước, nhưng tăng 40,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 23. Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk, Công ty CP Đầu tư Cao su Việt Nam và Công ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 11,3%, 11,1% và 9,3% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 06/2021.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Hoạt động xuất khẩu hàng hóa cũng đang có nhiều thuận lợi khi ngày 24/7/2021, Cơ quan Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) đã chính thức ban hành kết luận không thực hiện bất kỳ biện pháp hạn chế thương mại nào đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên, việc xuất khẩu vẫn gặp khó khăn do tình trạng tắc nghẽn tại các cảng Los Angeles và Long Beach ở khu vực bờ Tây nước Mỹ được dự đoán sẽ căng thẳng hơn trong những tháng tới khi lượng hàng hóa nhập khẩu tăng lên nhanh chóng. Cước phí tăng lên sẽ là trở ngại lớn đối với các nhà xuất khẩu.

2. Hồ tiêu

Tính tới hiện tại, Hoa Kỳ vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất về hồ tiêu thế giới, chiếm xấp xỉ 32% tổng kim ngạch hồ tiêu xuất khẩu của thế giới trong tháng 6/2021 trong đó, hồ tiêu của Việt Nam trong thị trường Hoa Kỳ vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất về giá trị, xếp sau là Ấn Độ, Trung Quốc và Tây Ban Nha. Khối lượng xuất khẩu và kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào Hoa Kỳ vẫn đang trên đà tăng trưởng tốt, đặc biệt là từ tháng 4/2021 với sự tăng trưởng đột phá trong tháng 6/2021 hứa hẹn nhiều triển vọng trong bối cảnh Covid đã được kiểm soát tốt hơn trên toàn cầu và giá thu gom hồ tiêu trong nước vẫn ở mức ổn định.

3. Thủy sản

Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, nhu cầu tiêu thụ thủy sản tại thị trường Hoa Kỳ những tháng cuối năm vẫn giữ được nhịp tăng trưởng tốt do quốc gia này đang trở lại mạnh mẽ khi quản lý tốt được dịch bệnh. Mặt hàng thủy sản của Việt Nam được dự báo tăng trưởng tốt ở thị trường này là cá tra và tôm. Nhu cầu Nhu tôm của Mỹ từ Việt Nam khá ổn định kể từ khi đại dịch Covid-19 bùng phát. Tôm Việt Nam trên thị trường Mỹ ngày càng cạnh tranh tốt hơn khi Ấn Độ (nguồn cung tôm lớn nhất của Mỹ) gặp nhiều rào cản do dịch bệnh Covid gây ra. Dự báo, xuất khẩu thủy sản sang thị trường này trong ngắn hạn sẽ giảm nhẹ do do tình hình dịch bệnh Covid trong nước diễn biến phức tạp và biến chủng Delta phát triển trên thế giới. Các nhà xuất khẩu cần có phương án cụ thể để không làm ảnh hưởng đến chuỗi sản xuất và vận chuyển cho sản phẩm xuất khẩu.

4. Gỗ và sản phẩm từ gỗ

Thị trường đồ nội ngoại thất tại Hoa Kỳ tiếp tục tăng trưởng mạnh. Số lượng đơn đặt hàng trong tháng 4/2021 đã tăng 239% so với cùng kỳ năm 2020. Theo điều tra gần đây của Smith Leonard, các đơn hàng mới trong 4 tháng đầu năm 2021 đã tăng 73% so

với cùng kỳ năm 2020 và tăng 36% so với năm 2019. Điều này cho thấy nhu cầu nhập khẩu đồ gỗ nội ngoại thất của Hoa Kỳ tiếp tục có xu hướng tăng trong những tháng tới.

5. Cao su

Theo báo cáo của Freedonia Focus Reports, nhu cầu cao su của Hoa Kỳ được dự báo sẽ tăng gần 1,1%/năm cho tới năm 2023, do nhu cầu gia tăng của các sản phẩm từ cao su. Nhu cầu tăng cùng với biến đổi khí hậu và đứt gãy chuỗi cung ứng do ảnh hưởng của COVID-19 là những vấn đề được ngành cao su và lốp xe cao su Hoa Kỳ quan tâm trong thời điểm hiện nay.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 6/2021

Sản phẩm	Tháng 6/2021 (USD)	Tháng 5/2020 (USD)	So sánh T6.2021/T5.2021
Cà phê	210,448,476	198,357,860	6.10%
Cao su	269,441,115	156,388,317	72.29%
Chè	17,801,412	16,649,137	6.92%
Gạo	211,368,406	167,831,654	25.94%
Gỗ và sản phẩm gỗ	1,532,663,519	932,040,740	64.44%
Hàng rau quả	304,227,328	246,448,324	23.44%
Hàng thủy sản	826,864,249	701,667,426	17.84%
Hạt điều	331,780,616	232,171,333	42.90%
Hạt tiêu	91,909,276	38,744,476	137.22%
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	81,023,655	45,382,614	78.53%
Sản phẩm từ cao su	101,607,429	61,038,152	66.47%
Sắn và các sản phẩm từ sắn	81,762,979	52,359,447	56.16%
TÀGS và NL	96,336,198	68,720,431	40.19%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 6/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 6/2020		Tháng 6/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	2.684	1.921.917	865	655.230	-67,8%	-65,9%
2	Gạo Japonica	20	14.162	82	67.219	322,1%	374,7%
3	Gạo trắng	130	80.207	82	35.148	-37,1%	-56,2%
4	Các loại gạo khác	161	249.374	-	-	-100,0%	-100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 6/2021

Sản phẩm	Tháng 6/2020 (USD)	Tháng 6/2021 (USD)	So sánh T5.2021/T5.2020
Tổng giá trị XK	14.902.050	29.149.396	95,6%
1 Hạt macca		3.930.003	
2 Thanh long	1.500.675	3.730.751	148,6%

3	Sầu riêng	585.528	2.948.127	403,5%
4	Dừa	1.736.936	2.688.449	54,8%
5	Xoài	741.401	850.208	14,7%
6	Nhãn	853.355	106.434	-87,5%
7	Vải	203.283	49.139	-75,8%
8	Vú sữa	5.390	-	
9	Khác	9.275.483	14.846.285	60,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 6/2021

Mặt hàng	T6/2020	T6/2021	So sánh T6/2020 và T6/2021
Chưa rang chưa khử cafein	12.123	12.689	4,67%
Chưa rang đã khử cafein	2.244	821	-63,41%
Đã rang chưa khử cafein	725	738	1,80%
Đã rang đã khử cafein	1	1	-27,82%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	1.402	1.451	3,46%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	2.258	2.116	-6,31%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 6/2021

Loại sản phẩm	Tháng 6/2021 (USD)	Tháng 6/2020 (USD)	So sánh 2021/20 (%)
Cá da trơn	32.294.416,62	11.797.561,45	173,7%
Cá ngừ	27.272.873,90	19.219.623,23	41,9%
Cá rô phi	564.935,70	190.801,60	196,1%
Cua, ghe	4.940.957,50	1.266.134,10	290,2%
Mực và bạch tuộc	1.423.869,54	266.658,63	434,0%
Tôm	141.421.643,54	65.647.823,31	115,4%
Thủy sản khác	7.513.198,72	9.560.131,69	-21,4%
Tổng	215.431.895,51	107.948.734,00	99,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan